TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN HIỆP** TỈNH KIÊN GIANG ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 15/2021/ DSST
Ngày 22/04/2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Nhật

- Hội thẩm nhân dân: 1/ - Ông Trần Văn Hải

2/ - Ông Từ Tứ Hải

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Huỳnh Thiên Ân – Thư Ký Tòa án Nhân Dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trong ngày 22 tháng 04 năm 2021. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 274/2020/ TLST- DS ngày 11 tháng 11 năm 2020 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2021/ QĐXXST- DS ngày 16 tháng 03 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị Kim T**, sinh năm 1982 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Đ Đ, xã T H, huyện T H, tỉnh Kiên Giang

Bị đơn: **Chị Nguyễn Thị H**, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Đ Đ, xã T H, huyện T H, tỉnh Kiên Giang

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Bùi Văn T (chồng của chị Nguyễn Thị H) (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Đ Đ, xã T H, huyện T H, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim T trình bày: Nguyên vào ngày 22/02/2019 chị Nguyễn Thị H có đến nhà tôi vay số tiền là 376.400.000đ (ba trăm bảy mươi sáu triệu bốn trăm nghìn đồng), lãi suất thỏa thuận là 2%/1 tháng, lúc vay thì chị H có làm biên nhận nợ với tôi vào ngày 22/02/2019, mục đích chị H vay tiền của tôi là để lấy vốn làm ăn phát triển kinh tế gia đình, thời hạn vay là 06 tháng, vào ngày 22/08/2019 chị H sẽ trả hết nợ gốc và lãi cho tôi. Đến ngày 21/05/2019 chị Nguyễn Thị H có đến nhà tôi vay thêm số tiền là 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng), lãi suất thỏa thuận là 2%/1 tháng, lúc vay thì chị H có làm biên nhận nợ với tôi vào ngày 21/05/2019, mục đích chị H vay tiền của tôi là để lấy vốn làm ăn phát triển kinh tế gia đình, thời hạn vay là 01 tháng, vào ngày 21/06/2019 chị H sẽ trả hết nợ gốc và lãi cho tôi. Đến ngày 21/10/2019, chị Nguyễn Thị H có đến nhà tôi vay tiếp số tiền là 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng), lãi suất thỏa thuận là 2%/1 tháng, lúc vay thì chị H có làm biên nhận nợ với tôi vào ngày 21/10/2019, mục đích chị H vay tiền của tôi là để lấy vốn làm ăn phát triển kinh tế gia đình, thời hạn vay là 06 tháng, vào ngày 21/04/2021 chị H sẽ trả hết nợ gốc và lãi cho tôi.

Đến nay thì chị H vẫn không có đóng lãi và trả nợ gốc cho tôi mặc dù tôi có đến nhà chị H đòi nợ nhiều lần nhưng chị H chỉ hứa mà không thực hiện việc trả nợ.

Nay tại phiên tòa, tôi yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp giải quyết buộc chị Nguyễn Thị H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Bùi Văn T có nghĩa vụ liên đới trả cho tôi số tiền gốc của 03 khoản vay là 1.376.400.000đ (một tỷ ba trăm bảy mươi sáu triệu bốn trăm nghìn đồng) và yêu cầu tính lãi như sau:

- Số tiền gốc 376.400.000đ (ba trăm bảy mươi sáu triệu bốn trăm nghìn đồng) tôi yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 23/08/2019 cho đến nay.

- Số tiền gốc 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng) tôi yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 22/06/2019 cho đến nay.

- Số tiền gốc 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng) tôi yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 22/04/2021 cho đến nay.

Bị đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: chị Nguyễn Thị H vắng mặt không lý do nên không thể trình bày.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Bùi Văn T trình bày: anh Bùi Văn T vắng mặt không lý do nên không thể trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thẩm quyền**: Đây là vụ kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS năm 2015. Mặt khác đây là vụ kiện dân sự không có yếu tố nước ngoài nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS năm 2015. Ngoài ra Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015.

[2] **Về thủ tục tố tụng:** chị Nguyễn Thị H với tư cách là bị đơn, anh Bùi Văn T với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Tại phiên tòa hôm nay, chị H và anh T vắng mặt không lý do, trước đó Tòa án đã tống đạt và tiến hành các thủ tục niêm yết theo quy định chung của Bộ luật tố tụng dân sự, các thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho chị H và anh T, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: "Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà bị đơn không có yêu cầu phản tố vắng mặt thì Tòa án tiến hành xử vắng mặt họ". Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị H và anh T là phù hợp theo quy định pháp luật.

Quan hệ pháp luật tranh chấp xảy ra giữa chị Nguyễn Thị Kim T với chị Nguyễn Thị H là quan hệ "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

Điều 463 Bộ luật dân sự quy định: Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim T yêu cầu chị Nguyễn Thị H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Bùi Văn T có nghĩa vụ liên đới trả cho chị T số tiền gốc của 03 khoản vay là 1.376.400đ (tmột tỷ ba trăm bảy mươi sáu triệu bốn trăm nghìn đồng) và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật là có cơ sở chấp nhận. Bởi vì chị T có cho chị H vay số tiền gốc là 376.400.000đ (ba trăm bảy mươi sáu triệu bốn trăm nghìn đồng), lãi suất thỏa thuận là 2%/1 tháng, lúc vay thì chị H có làm biên nhận nợ với chị T vào ngày 22/02/2019, thời hạn vay là 06 tháng, vào ngày 22/08/2019 chị H sẽ trả hết nợ gốc và lãi cho chị T. Đến ngày 21/05/2019, chị H có đến nhà chị T vay thêm số tiền là 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng), lãi suất thỏa thuận là 2%/1 tháng, lúc vay thì chị H có làm biên nhận nợ với chị T vào ngày 21/05/2019, thời hạn vay là 01 tháng, vào ngày 21/06/2019 chị H sẽ trả hết nợ gốc và lãi cho chị T. Sau đó đến ngày 21/10/2019, chị Nguyễn Thị H có đến nhà chị T vay tiếp số tiền là 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng), lãi suất thỏa thuận là 2%/1 tháng, lúc vay thì chị H có làm biên nhận nợ với chị T vào ngày 21/10/2019, mục đích chị H vay tiền của chị T là để lấy vốn làm ăn phát triển kinh tế gia đình, thời hạn vay là 06 tháng, vào ngày 21/04/2021 chị H sẽ trả hết nợ gốc và lãi cho chị T. Đến hạn trả nợ thì chị H không thực hiện việc trả nợ và chị T nhiều lần đến nhà chị H đòi nợ nhưng chị H chỉ hứa chứ không trả nợ cho chị T và được biết mục đích chị H vay tiền của chị T là lấy vốn làm ăn để phát triển kinh tế gia đình và mang lại thu nhập chung cho gia đình, theo khoản 1 Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30...."; theo khoản 1 Điều 30: "vợ, chồng có nghĩa vụ thực hiện giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Vì vậy số tiền mà chị H nợ chị T số tiền gốc của 03 khoản vay là 1.376.400.000đ (tmột tỷ ba trăm bảy mươi sáu triệu bốn trăm nghìn đồng) được coi là nợ chung của vợ chồng chị Nguyễn Thị H, anh Bùi Văn T.

Nay tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Kim T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn chị Nguyễn Thị H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Bùi Văn T phải trả hết nợ gốc số tiền là 1.376.400.000đ (một tỷ ba trăm bảy mươi sáu triệu bốn trăm nghìn đồng) và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật. Lời yêu cầu của chị T phù hợp với Điều 463 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Như vậy số tiền lãi của khoản vay số tiền gốc 376.400.000đ (ba trăm bảy mươi sáu triệu bốn trăm nghìn đồng) trong vụ kiện này tính từ ngày 23/08/2019 đến ngày xét xử hôm nay là ngày 22/04/2021 là 604 ngày cụ thể như sau: 376.400.000đ x 1,66% x 604 ngày = 125.797.898đ tính tròn là 125.798.000đ (một trăm hai mươi lăm triệu bảy trăm chín mươi tám nghìn đồng) và số tiền lãi của khoản vay số tiền gốc 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng) trong vụ kiện này tính từ ngày 22/06/2019 đến ngày xét xử hôm nay là ngày 22/04/2021 là 665 ngày cụ thể như sau: 400.000.000đ x 1,66% x 665 ngày = 147.186.666đ tính tròn là 147.187.000đ (một trăm bốn mươi bảy triệu một trăm tám mươi bảy nghìn đồng) và số tiền lãi của khoản vay số tiền gốc 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng) trong vụ kiện này tính từ ngày 22/04/2020 đến ngày xét xử hôm nay là ngày 22/04/2021 là 365 ngày cụ thể như sau: 600.000.000đ x 1,66% x 365 ngày = 121.180.000đ (một trăm hai mươi mốt triệu một trăm tám mươi nghìn đồng). Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 1.770.565.000đ (một tỷ bảy trăm bảy mươi triệu năm trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

[4] **Về án phí DSST:** Áp dụng điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Yêu cầu của chị T được chấp nhận nên chị T không phải chịu án phí, trả lại tiền tạm ứng án phí cho chị T số tiền là 26.646.000đ (hai mươi sáu triệu sáu trăm bốn mươi sáu nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008073 ngày 04/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Buộc chị Nguyễn Thị H, anh Bùi Văn T phải nộp: 36.000.000đ + 3% x 970.565.000đ = 65.116.950đ tính tròn là 65.117.000đ (sáu mươi lăm triệu một trăm mười bảy nghìn đồng).

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Áp dụng Điều 463, Khoản 1 Điều 468 Bộ Luật Dân Sự năm 2015, khoản 1 Điều 27, khoản 1 Điều 30 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim T.

3/ Buộc chị Nguyễn Thị H và anh Bùi Văn T có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Nguyễn Thị Kim T số tiền gốc và lãi là 1.770.565.000đ (một tỷ bảy trăm bảy mươi triệu năm trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị Kim T có đơn yêu cầu Thi hành án nếu chị Nguyễn Thị H và anh Bùi Văn T không trả số tiền trên thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

5/ Về án phí DSST:

- Buộc chị Nguyễn Thị H, anh Bùi Văn T nộp 65.117.000đ (sáu mươi lăm triệu một trăm mười bảy nghìn đồng).

- Trả lại tiền tạm ứng án phí cho chị Nguyễn Thị Kim T số tiền là 26.646.000đ (hai mươi sáu triệu sáu trăm bốn mươi sáu nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008073 ngày 04/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự ,người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy đinh tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Báo cho chị Nguyễn Thị Kim T biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Báo cho chị Nguyễn Thị H, anh Bùi Văn T biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Tân Hiệp.*
- *TAND tỉnh Kiên Giang .*
- *Chi cục THADS huyện Tân Hiệp.*
- *Các đương sự.*
- *Lưu HS.*
- *Lưu VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Quang Nhật